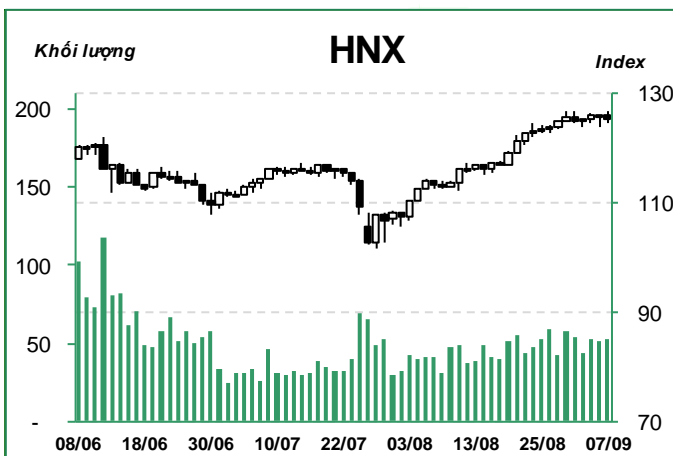
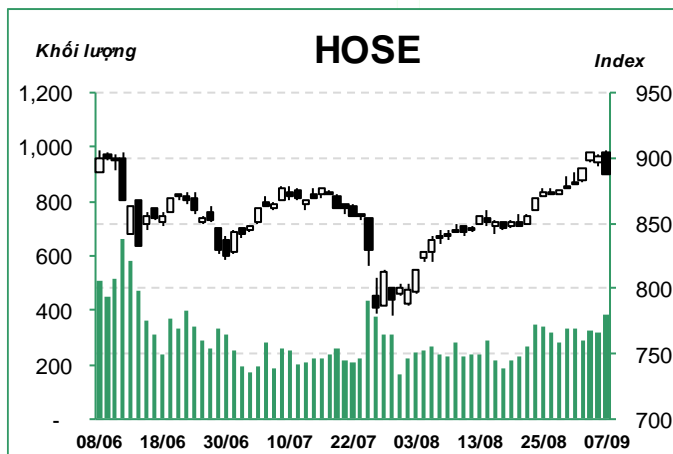


Tổng quan thị trường

07/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	888.25	-1.47%	824.36	-1.92%	125.43	-0.57%
Cuối tuần trước	901.54	-1.47%	840.54	-1.92%	126.15	-0.57%
Trung bình 20 ngày	870.22	2.07%	807.68	2.07%	122.32	2.54%
Tổng KLGD (triệu cp)	434.06	25.29%	114.52	2.34%	57.21	9.00%
KLGD khớp lệnh	382.83	21.08%	98.25	-4.93%	52.36	2.17%
Trung bình 20 ngày	287.53	33.14%	79.77	23.16%	48.97	6.91%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	7,587.53	12.70%	3,515.51	1.29%	683.95	9.34%
GTGD khớp lệnh	6,429.92	9.23%	2,944.59	-4.83%	641.27	4.70%
Trung bình 20 ngày	4,960.52	29.62%	2,227.79	32.18%	571.59	12.19%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	135	29%	1	3%	80	22%
Số mã giảm	273	59%	27	90%	83	23%
Số mã đứng giá	57	12%	2	7%	193	54%



Thị trường biến động đảo chiều khá bất ngờ trong phiên giao dịch đầu tuần. Đà hồi phục vào cuối phiên thứ 6 tuần trước giúp tâm lý nhà đầu tư có phần lạc quan và các chỉ số mở cửa trong sắc xanh tích cực. Tuy nhiên, căng về cuối phiên, áp lực bán tăng mạnh ở các cổ phiếu trụ khiến chỉ số lao dốc mạnh.

Chốt phiên, VN-Index mất hơn 13 điểm đóng cửa tại mức 888.25 điểm (-1.47%). Thanh khoản thị trường tăng nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 382.8 triệu cổ phiếu (+21.1%), tương đương 6,430 tỷ đồng giá trị (+9.2%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên bán với số mã giảm chiếm phần lớn (273 mã giảm so với 135 mã tăng).

Áp lực bán bắt đầu xuất hiện ở các cổ phiếu trong rổ VN30 sau đó lan tỏa đến nhiều nhóm ngành, đáng chú ý nhất là ngân hàng, BĐS và dầu khí. Trong đó, Vingroup-VIC (-2.7%), BIDV-BID (-3.6%), PV Gas-GAS (-3.5%) và Vietcombank-VCB (-1.5%) ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số chung. Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (+6.9%), Vinamilk-VNM (+0.8%), BĐS Phát Đạt-PDR (+6.9%) cùng bộ đôi Hoàng Anh Gia Lai-HAG (+5.7%) và Nông nghiệp Quốc tế HAGL-HNG (+4.6%) dẫn đầu các cổ phiếu tăng điểm.

Về giao dịch của khối ngoại, khối này vẫn bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE với giá trị 52.3 tỷ đồng (+257.6%). Tuy nhiên, nếu tính đến mua bán chứng chỉ quỹ thì thực chất khối này đã đảo chiều mua ròng trong phiên hôm nay với giá trị 54.1 tỷ đồng. Trong đó, chứng chỉ quỹ FUEVFVND (+96.0 tỷ), Vinamilk-VNM (+77.5 tỷ), Hòa Phát-HPG (+36.0 tỷ), Vincom Retail-VRE (+22.3 tỷ) được khối ngoại mua ròng nhiều nhất. Trái lại, Vinhomes-VHM (-50.8 tỷ), BIDV-BID (-29.4 tỷ), Masan-MSN (-25.9 tỷ) bị khối này tập trung bán ròng.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến giảm điểm tương tự khi đóng cửa tại mức 125.43 điểm (-0.57%). KLGD

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	10,298.0	224.82
GAB	940.0	133.29
FPT	2,350.0	109.30
VNM	817.4	103.62
JVC	11,200.0	55.88
DBD	847.0	38.96
NVL	550.0	34.11
SJS	1,420.0	32.55
GMD	1,332.9	28.83
CTF	1,176.0	23.87
HNX		
TIG	3,400.0	21.08
VC3	951.0	16.36
NVB	359.9	3.10
INN	50.0	1.50
DC4	50.0	0.52
PPE	39.6	0.14

khớp lệnh đạt 52.4 triệu cổ phiếu (+2.2%), tương đương 641.3 tỷ đồng giá trị (+4.7%).

Nhóm ngân hàng gây áp lực chính đến đà giảm của chỉ số HNX-Index hôm nay khi bộ đôi Ngân hàng Á Châu-ACB và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB đồng loạt giảm 1.4%. Bên cạnh đó, một vài cổ phiếu trụ khác cũng đóng cửa trong sắc đỏ đáng chú ý như Bảo hiểm PVI-PVI (-2.2%), Vicostone-VCS (-1.5%) hay Dầu khí PTSC-PVS (-2.4%). Ở chiều ngược lại, Thaiholdings-THD (+9.9%), Idico-IDC (+5.0%), Chứng khoán IB-VIX (+9.6%) hỗ trợ giúp chỉ số không giảm sâu.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 1.5 tỷ đồng. Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Nhựa Tiên Phong-NTP (+1.2 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.4 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.3 tỷ) trong khi Bến xe Miền Tây-WCS (-0.8 tỷ), Y tế Việt Mỹ-AMV (-0.3 tỷ), Nhựa Đồng Nai-DNP (-0.3 tỷ) bị khối này bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng mạnh trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời đang tăng lên. Không những vậy, chỉ số đang tạo nền giảm bao phủ hoàn toàn hai thân nên trước đó, cùng với RSI cho tín hiệu suy yếu khi đi xuống từ vùng quá mua, cho thấy áp lực điều chỉnh đang mạnh lên. Tuy nhiên, về mặt xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi, khi chỉ số đang đóng cửa trên MA20 và chòm MA5,10,20 vẫn ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, do đó, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong một nhịp điều chỉnh mang tính kỹ thuật khi tiệm cận cùng kháng cự mạnh 900-905 điểm. Hỗ trợ gần của nhịp điều chỉnh này có thể quanh ngưỡng 880 điểm (vùng đỉnh tháng 7/2020) và xa hơn có thể quanh 866-868 điểm (MA20 và 200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng giữ được trên MA20, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh mang tính củng cố xu hướng, với vùng hỗ trợ gần quanh 122 điểm (đỉnh tháng 6/2020). Nhìn chung, thị trường đang có thể cần một nhịp điều chỉnh mang tính củng cố cho xu hướng phục hồi chính bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THI	33.7	17.3	7.0%
MHC	7.8	1,168.1	7.0%
AGM	13.9	183.4	7.0%
PIT	4.5	0.1	6.9%
TAC	55.5	150.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PNC	8.9	3.2	-7.0%
VAF	9.8	0.6	-7.0%
HAP	6.6	158.8	-6.9%
LHG	27.0	921.9	-6.9%
TDG	2.0	654.4	-6.5%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	355.1	-1.8%
GEX	26.0	314.4	1.8%
VNM	126.0	276.1	0.8%
CTG	25.0	204.8	-3.9%
VHM	79.1	161.8	-1.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAG	4.6	24,336.8	5.8%
HQC	1.7	17,130.0	2.4%
HPG	24.5	14,336.1	-1.8%
GEX	26.0	12,246.4	1.8%
ITA	4.4	12,113.7	-0.2%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BII	1.0	476.7	11.1%
SPI	1.1	1,004.1	10.0%
HTC	27.6	2.1	10.0%
NBW	21.0	0.2	10.0%
THD	98.8	0.5	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.7	285.5	-12.5%
TST	8.1	27.3	-10.0%
SD2	6.3	0.6	-10.0%
VMS	6.3	4.8	-10.0%
VNT	55.9	0.2	-10.0%

Top 5 giá trị

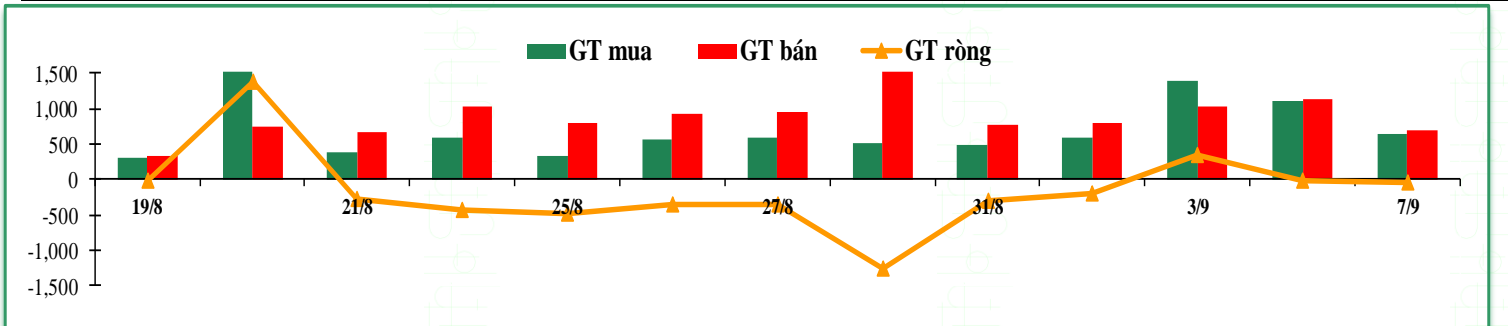
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	20.8	127.0	-1.4%
PVS	12.3	72.7	-2.4%
SHB	13.8	68.3	-1.4%
TAR	21.7	40.3	7.4%
SHS	11.4	27.5	-1.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	20.8	6,067.4	-1.4%
PVS	12.3	5,850.5	-2.4%
SHB	13.8	4,914.3	-1.4%
CEO	7.1	2,581.5	0.0%
HUT	2.4	2,509.2	-7.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	644.4	10.0%	696.7	10.8%	-52.3
HNX	5.4	0.8%	3.9	0.6%	1.5
Tổng số	649.9		700.6		-50.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	126.0	231.8	0.8%
HPG	24.5	70.8	-1.8%
VCB	83.6	52.2	-1.5%
VRE	27.7	46.3	-2.8%
PLX	51.1	28.2	-1.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	126.0	154.4	0.8%
VHM	79.1	71.7	-1.1%
MSN	54.6	45.4	-3.0%
VCB	83.6	45.3	-1.5%
HPG	24.5	34.9	-1.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	126.0	77.5	0.8%
HPG	24.5	36.0	-1.8%
VRE	27.7	22.3	-2.8%
KSB	29.5	16.9	3.7%
PLX	51.1	12.8	-1.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	31.1	1.2	-0.3%
VCS	66.0	0.7	-1.5%
SHB	13.8	0.4	-1.4%
BVS	10.8	0.4	-0.9%
IDV	49.1	0.3	-2.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
WCS	233.5	0.9	7.2%
VCS	66.0	0.7	-1.5%
TNG	12.6	0.4	0.0%
AMV	16.7	0.4	-0.6%
DNP	18.4	0.3	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	31.1	1.2	-0.3%
BVS	10.8	0.4	-0.9%
IDV	49.1	0.3	-2.2%
TIG	6.7	0.3	1.5%
SHB	13.8	0.3	-1.4%

Tin trong nước

Lãi suất tiếp tục đi xuống

Lãi suất huy động có mức dưới 3%/năm

Thực tế, mặt bằng lãi suất trên thị trường thời gian gần đây tiếp tục giảm nhẹ. Từ đầu tháng 9, NH TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đã giảm lãi suất huy động tiền đồng từ 0,2 - 0,5%/năm, cụ thể kỳ hạn 2 - 5 tháng còn 2,9%/năm; 6 tháng còn 4,4%/năm; từ 7 - 11 tháng còn 4%/năm; 12 tháng là 4,6%/năm.

Mức lãi suất này thấp hơn cả 4 nhà băng lớn (Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank) vừa giảm trước đó, cụ thể kỳ hạn 1 tháng ở 3,5%/năm, 3 tháng ở 3,8%/năm, 6 tháng 4,4%/năm, 12 tháng là 6%/năm... Theo NH Nhà nước chi nhánh TP HCM, lãi suất huy động tiền đồng của các NH trên địa bàn tháng 8 giảm ở các kỳ hạn, trong đó khối NH thương mại nhà nước giảm từ 0,15 - 0,55%/năm, còn NH thương mại cổ phần giảm từ 0,11 - 0,48%/năm, khối NH liên doanh và nước ngoài giảm khoảng 0,1 - 0,61%/năm. Lãi suất huy động tiền đồng phổ biến ở 3,8 - 4,11%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng, từ 6 - 12 tháng từ 4,35 - 6,99%/năm; từ 12 tháng trở lên từ 6 - 7,1%/năm.

Mặc dù lãi suất giảm nhưng tốc độ huy động vốn của các NH vẫn tăng 0,38% so với tháng trước, đạt hơn 2,663 triệu tỷ đồng, tăng 4,55% so với cuối năm 2019 và tăng 11,66% so với cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi thanh toán của tổ chức kinh tế và cá nhân chiếm tỷ trọng 51,3% tổng huy động, tăng 0,39% so với tháng trước và tăng 6,27% so với cuối năm 2019; phần còn lại hơn 1,1 triệu tỷ đồng là tiền gửi tiết kiệm dân cư, chiếm tỷ trọng 41,4% tổng vốn huy động, tăng 0,17% so với tháng trước và tăng 0,35% so với cuối năm 2019.

Lãi suất giao dịch của các NH trên thị trường liên NH đầu tháng 9 giảm 0,1 - 0,9%/năm tùy kỳ hạn và ở mức sát 0%/năm. Cụ thể, lãi suất giao dịch của các NH ngày 3.9 kỳ hạn qua đêm ở mức 0,16%/năm, 1 tuần 0,26%/năm, 2 tuần 0,3%/năm, 1 tháng 0,47%/năm, 3 tháng 1,53%/năm, 6 tháng 3,44%/năm... Điều này cho thấy thanh khoản của các NH hiện nay khá dồi dào.

Lãi vay giảm, tín dụng vẫn tăng chậm

Lãi suất huy động giảm đã giúp các nhà băng điều chỉnh giảm lãi đầu ra. Các NH thương mại cổ phần giảm lãi suất phổ biến khoảng 0,23%/năm đối với những khoản vay ngắn, nhưng lại tăng nhẹ 0,14%/năm các khoản vay trung dài hạn. NH liên doanh và nước ngoài giảm lãi suất cho vay từ 0,58 - 0,74%/năm đối với những khoản vay sản xuất kinh doanh thông thường. Mức lãi suất cho vay phổ biến đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh từ 8 - 8,81%/năm kỳ hạn ngắn và 9,87 - 10,34%/năm ở trung dài hạn. Riêng đối với 5 lĩnh vực ưu tiên, lãi suất vay tối đa 5%/năm; còn những khoản vay đầu tư, kinh doanh bất động sản được áp dụng ở mức cao 12%/năm.

Dù vậy, tăng trưởng tín dụng của các NH trên địa bàn TP HCM tính đến cuối tháng 8 vào khoảng 3,68% so với đầu năm, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây (năm 2019 là 8,62%, năm 2018 là 10,92% và năm 2017 là 12,41%), đạt khoảng 2,38 triệu tỷ đồng.

Nguồn: NĐH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tập đoàn Cao su sắp chi 2.400 tỷ đồng trả cổ tức năm 2019

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HoSE: GVR) thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền tỷ lệ 6% (1 cổ phiếu được nhận 600 đồng). Với 4 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra 2.400 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 23/9 và thời gian thanh toán dự kiến 9/10.

Năm ngoái, tập đoàn kinh tế Nhà nước này có kết quả khả quan với lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt hơn 3.250 tỷ đồng, tương đương mức lãi cơ bản trên cổ phiếu 813 đồng. Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua mức cổ tức 6% bằng tiền, tương ứng trích gần 74% lợi nhuận đạt được.

Năm 2020, Tập đoàn Cao su đề ra kế hoạch doanh thu thuần là 24.647 tỷ đồng, tăng 8% và lợi nhuận sau thuế dự kiến 4.029 tỷ đồng, tăng 5%. Mức cổ tức dự kiến duy trì ở mức 6%.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19, tập đoàn này có doanh thu bán niên năm 2020 giảm 22% còn 5.953 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế theo đó giảm 23% xuống 842 tỷ đồng và mới hoàn thành 21% kế hoạch năm. Thu nhập trên mỗi cổ phần đạt 159 đồng.

Vinatex sắp chi 250 tỷ đồng trả cổ tức

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 5%. Với 500 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 250 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 21/9 và thời gian thanh toán dự kiến 29/9.

Năm ngoái, tập đoàn ghi nhận doanh thu 20.139 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 518,7 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2018. Với kết quả đó, cổ đông đã thống nhất phân phối cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt.

Năm 2020, Vinatex lên kế hoạch doanh thu giảm 27% còn 14.641 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế giảm 50% xuống 381,6 tỷ đồng, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giảm một số đơn vị hợp nhất do năm 2019 đã thoái vốn hoặc chuyển liên kết.

Nửa đầu năm, tập đoàn đạt 7.046 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 15% so với cùng kỳ 2019 và tương đương 48% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế gần 289 tỷ đồng, giảm 22% và thực hiện 76% chỉ tiêu cả năm.

TCM lãi tháng 8 tăng 41%, ước về đích lợi nhuận sau 3 quý

Công ty Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) cho biết doanh thu tháng 8 đạt 13,7 triệu USD (315 tỷ đồng), giảm 6% so với tháng 8/2019. Song, lợi nhuận sau thuế ước đạt 1 triệu USD (23 tỷ đồng), cao hơn 41% cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 8 tháng, doanh thu công ty đạt 102 triệu USD (2.346 tỷ đồng), thực hiện 63% kế hoạch năm và giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 7 triệu USD (161 tỷ đồng), thực hiện 88% kế hoạch năm và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Trao đổi với *Người Đồng Hành*, ông Trần Như Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT cho biết tháng 8 doanh nghiệp không có đơn hàng khẩu trang nhưng đơn hàng truyền thống phục hồi khá tốt. Nếu không có biến động lớn, công ty kỳ vọng hết quý III về đích lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VCB	Bán	08/09/20	83.6	83	0.7%	90	8.4%	81.7	-1.6%	Tín hiệu thoát nền tích lũy thất bại
2	HPG	Chốt lời	08/09/20	24.5	24.2	1.2%	26.6	9.9%	23.2	-4.1%	Tín hiệu thoát nền tích lũy thất bại
3	PNJ	Bán	08/09/20	58.9	61	-3.4%	67.5	10.7%	58.4	-4.3%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	SJS	Quan sát mua	08/09/20	23.4	25.5 27-28	Tín hiệu bật tăng tốt từ nền tích lũy + vol cao trở lại, khả năng có nhịp tăng ngắn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 23.3-23.4
2	BMI	Quan sát mua	08/09/20	24.5	26	Tín hiệu điều chỉnh ko quá tiêu cực với nền giảm vol thấp -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng hỗ trợ 23-23.5
3	VJC	Quan sát mua	08/09/20	107	113-118	Tín hiệu điều chỉnh/tích lũy ko quá tiêu cực với vol giảm thấp -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 103-104
4	VIB	Quan sát mua	08/09/20	22.4	22.6-23	Tín hiệu cảnh báo đảo chiều ngắn hạn với RSI, MACD phân kỳ -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 20.6-21.2

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SAB	Mua	14/08/20	192.2	183	5.0%	206	12.6%	177	-3%	
2	FMC	Nắm giữ	18/08/20	31.8	27.7	14.8%	34.6	24.9%	26.7	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40	33.45	19.6%	43.5	30%	31.8	-5%
4	VRE	Mua	27/08/20	27.7	27.2	1.8%	28.6	5%	26.6	-2%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 07/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,400	-6.7 %	-9%	11,700	100	74,300	171	(1,229)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,300	-7.4 %	41%	3,206	63	48,500	481	(9,819)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,540	-16.3 %	3%	892	52	48,500	1,010	(530)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,600	-4.8 %	-5%	7,344	46	48,500	1,033	(567)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,290	-13.4 %	-14%	6,129	129	48,500	502		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	710	-7.8 %	-34%	161	28	29,200	484	(226)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,550	-7.9 %	17%	15,750	31	29,200	2,282	(268)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,240	-2.8 %	435%	1,484	24	24,500	5,538	(5,702)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,980	-6.8 %	165%	4,245	9	24,500	1,248	(2,732)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,810	-6.9 %	-7%	11,240	84	24,500	48	(3,762)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,900	-3.0 %	144%	33,000	52	24,500	1,056	(2,844)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,860	-1.7 %	-4%	2,405	133	24,500	596	(5,264)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,900	-5.1 %	0%	1,504	85	24,500	1,154	(5,746)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,870	-3.5 %	-5%	1,146	224	24,500	1,469	(5,401)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,190	-5.4 %	-8%	3,132	175	24,500	988	(5,202)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,510	-8.5 %	-1%	49,410	91	54,600	567	(943)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2016	2,200	2,310	-12.2 %	5%	6,013	129	24,500	170	(2,140)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,050	-12.0 %	23%	24,757	74	58,900	1,259	(791)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,830	-3.7 %	22%	9,922	74	11,200	1,092	(738)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,520	2.9 %	39%	65,412	91	126,000	1,983	(537)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2009	1,630	2,260	-0.9 %	39%	17,542	74	22,500	1,237	(1,023)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,280	-11.1 %	-36%	3,186	63	17,700	281	(999)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	300	-37.5 %	-85%	356	49	17,700	0	(300)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,030	-9.7 %	-6%	20,243	52	17,700	642	(388)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,270	-5.9 %	-9%	3,357	129	17,700	634		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	730	7.4 %	-68%	9,057	100	54,600	6	(724)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	50	-28.6 %	-98%	34,350	9	54,600	(0)	(50)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	570	-8.1 %	-73%	13,052	52	54,600	4	(566)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,300	-13.3 %	-32%	12,562	129	54,600	403		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	3,320	-3.8 %	33%	4,002	24	90,300	145	(3,175)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	270	-20.6 %	-87%	2,288	49	90,300	0	(270)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	9,850	-19.5 %	-24%	306	84	90,300	5,229	(4,621)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,040	-18.8 %	-20%	30,145	50	90,300	583	(457)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,610	-8.0 %	1%	21,318	46	90,300	1,079	(531)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,610	-13.9 %	15%	15,690	129	90,300	1,034		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,700	13.3 %	-26%	1,095	100	62,800	95	(1,605)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,520	-0.8 %	26%	104	184	62,800	925	(1,595)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	400	-38.5 %	-83%	10,947	24	58,900	(0)	(400)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	180	-10.0 %	-91%	456	49	58,900	0	(180)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	460	-14.8 %	-54%	26,266	52	58,900	74	(386)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	820	-7.9 %	-18%	6,229	129	58,900	300		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,530	2.0 %	53%	1,003	52	36,600	1,346	(184)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,570	-5.9 %	64%	6,925	46	36,600	2,404	(166)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,800	0.6 %	38%	34	129	36,600	1,148		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CROS2002	1,000	160	-11.1 %	-84%	15,010	100	2,200	(0)	(160)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	-	0 %	-100%	-	100	13,950	0	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,160	11.5 %	-32%	6,830	100	11,200	212	(948)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	290	-25.6 %	-79%	103,028	9	11,200	105	(185)	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,130	-7.4 %	-19%	20,544	84	11,200	515	(615)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	410	-4.7 %	-62%	17,255	57	11,200	33	(377)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	800	-2.4 %	-47%	268	210	11,200	207	(593)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	330	-8.3 %	-84%	3,665	49	21,200	0	(330)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,580	-15.5 %	-47%	2,236	84	21,200	375	(1,205)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,850	-11.9 %	54%	18,655	52	21,200	1,639	(211)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,700	-5.6 %	0%	655	129	21,200	909		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,040	-4.6 %	-66%	182	100	79,100	20	(1,020)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	7,960	-7.7 %	-31%	12,707	84	79,100	3,937	(4,023)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,210	-6.2 %	21%	55,275	52	79,100	941	(269)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	300	-14.3 %	-80%	2,014	28	79,100	0	(300)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,080	-3.6 %	-23%	8,581	129	79,100	421		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	190	-17.4 %	-92%	501	100	107,000	0	(190)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	560	1.8 %	-71%	34,340	52	107,000	3	(557)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	120	-29.4 %	-93%	11,537	28	107,000	0	(120)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	17,600	9.4 %	1%	298	84	126,000	9,364	(8,236)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,670	4.3 %	78%	6,996	52	126,000	2,344	(326)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	580	18.4 %	-62%	34,835	28	126,000	4	(576)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,660	8.5 %	-31%	411	184	126,000	336	(1,324)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,220	6.2 %	23%	9,791	129	126,000	1,405		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,460	-21.9 %	-57%	8,903	84	22,500	311	(1,149)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	890	-21.2 %	-48%	40,577	52	22,500	267	(623)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,550	-13.9 %	-14%	5,410	129	22,500	797		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	400	-4.8 %	-87%	1,937	100	27,700	1	(399)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2005	4,000	2,500	-15.3 %	-38%	1,838	84	27,700	903	(1,597)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,410	-8.4 %	28%	16,755	52	27,700	1,200	(210)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	660	-7.0 %	-57%	3,108	210	27,700	165	(495)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,220	-4.7 %	2%	20,408	129	27,700	654		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
AST (New)	HOSE	49,100	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR (New)	HOSE	57,000	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE (New)	HOSE	27,700	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,050	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	90,300	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	22,750	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	120,500	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	24,500	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	100,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	104,600	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	22,500	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	55,000	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,150	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	58,900	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	41,500	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	15,000	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
DGW	HOSE	47,650	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
SBT	HOSE	13,950	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn